

ANNEX 5
CERTIFICATE OF ORIGIN

1. Exporter (business name, address and country)			4. № _____ <p style="text-align: center;">EAEU-VN FTA Certificate of Origin Form EAV</p>				
2. Importer/Consignee (business name, address and country)			Issued in _____ <p style="text-align: center;">(country)</p> For submission to _____ <p style="text-align: center;">(country)</p>				
3. Means of transport and route (as far as known)			5. For official use				
6. Items №	7. Number and kind of packages	8. Description of goods	9. Origin criterion	10. Quantity of goods	11. Number and date of invoice		
12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the applicant is correct			13. Declaration by the applicant The undersigned hereby declares that the above details are correct: that all goods were produced in _____ <p style="text-align: center;">(country)</p> and that they comply with the rules of origin as provided in Chapter 4 (Rules of Origin) of the EAEU-VN FTA				
Place	Date	Signature	Stamp	Place	Date	Signature	Stamp

Additional sheet of Certificate of Origin (Form EAV) No. ____

6. Items №	7. Number and kind of packages	8. Description of goods	9. Origin criterion	10. Quantity of goods	11. Number and date of invoice
<p>12. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the applicant is correct</p> <p>Place Date Signature Stamp</p>			<p>13. Declaration by the applicant The undersigned hereby declares that the above details are correct: that all goods were produced in _____ (country) and that they comply with the rules of origin as provided in Chapter 4 (Rules of Origin) of the EAEU-VN FTA</p> <p>Place Date Signature Stamp</p>		

Hướng dẫn khai báo Giấy chứng nhận xuất xứ (Mẫu EAV)

Giấy chứng nhận xuất xứ (Mẫu EAV) và tờ khai bổ sung phải được làm trên giấy A4 màu phù hợp với các mẫu tại Phụ lục này. Giấy chứng nhận xuất xứ phải được khai báo bằng tiếng Anh.

Phần trống không sử dụng trong ô 6 đến ô 10 phải được gạch để ngăn chặn bất kỳ sự thêm vào nào.

Giấy chứng nhận xuất xứ sẽ:

a) Làm trên bản giấy và phù hợp theo mẫu khai báo trong phụ lục này, và phải được in bằng Tiếng Anh.

b) Bao gồm các thông tin tối thiểu cần thiết trong ô số 1, 2, 4, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13;

c) Có chữ ký được ủy quyền và con dấu chính thức của cơ quan được ủy quyền và dấu hiệu bảo mật. Chữ ký phải được ký bằng tay và con dấu không được sao chụp.

1. **Ô số 1:** Thông tin của người xuất khẩu hàng hóa: Tên giao dịch, địa chỉ, quốc gia

2. **Ô số 2:** Thông tin của người nhập khẩu (bắt buộc) và người nhận hàng (nếu biết): Tên giao dịch, địa chỉ, quốc gia

3. **Ô số 3:** Thông tin vận tải (theo như đã biết) bao gồm ngày khởi hành (ngày giao hàng), phương tiện vận tải (tàu, hàng không...); địa điểm dỡ hàng (cảng, cảng hàng không).

4. **Ô số 4:** Số tham chiếu riêng, quốc gia cấp và quốc gia nộp.

5. **Ô số 5:** Ghi các cụm từ”

”DUPLICATE OF THE CERTIFICATE OF ORIGIN NUMBER ___ DATE ___” khi thay đổi bản gốc Giấy chứng nhận xuất xứ.

”ISSUED IN SUBSTITUTION FOR THE CERTIFICATE OF ORIGIN NUMBER ___ DATE ___” khi cấp thay thế bản gốc Giấy chứng nhận xuất xứ.

”ISSUED RETROACTIVELY” trong trường hợp ngoại lệ khi Giấy chứng nhận xuất xứ không được cấp trước hoặc tại thời điểm xuất khẩu.

6. **Ô số 6:** Số thứ tự sản phẩm

7. **Ô số 7:** Sô và loại kiện hàng

8. **Ô số 8:** Thông tin mô tả hàng hóa bao gồm HS 6 số của bên nhập khẩu và mẫu mã, thương hiệu để có thể xác định được sản phẩm

Trong một số trường hợp đặc biệt, khi hóa đơn được phát hành tại nước thứ 3 không có sẵn tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận xuất xứ, số và ngày của

hóa đơn phát hành bởi người xuất khẩu (được cấp Giấy chứng nhận xuất xứ) phát hành phải được thể hiện. Ngoài ra, cần thể hiện nội dung hàng hóa xuất khẩu sẽ được cấp một hóa đơn khác do nước thứ 3 phát hành cho mục đích nhập khẩu vào bên nhập khẩu, ghi tên, địa chỉ đầy đủ của người sẽ phát hành hóa đơn nước thứ 3. Trong trường hợp này, cơ quan Hải quan của bên nhập khẩu có thể yêu cầu nhà nhập khẩu cung cấp các hóa đơn và các chứng từ có liên quan khác có nội dung xác nhận giao dịch giữa bên xuất khẩu và bên nhập khẩu, đối với hàng hóa được khai báo nhập khẩu.

Nếu hàng hóa đáp ứng mô tả của “ngoại trừ 6403.91 và 6403.99 Giày da được sử dụng cho hoạt động thể thao trong nhà và ngoài trời” theo quy định tại Phụ lục 1 của Hiệp định, phải đánh dấu “Giày thể thao”

9. **Ô số 9.** Ghi tiêu chí xuất xứ cho tất cả hàng hóa theo bảng sau:

Tiêu chí xuất xứ	Ghi tại ô số 9
Hàng hóa có xuất xứ thuần túy tại một bên theo điều kiện tại Điều 4.4 của Hiệp định	WO
Hàng hóa được sản xuất toàn bộ tại một hay hai bên, từ những nguyên vật liệu có xuất xứ từ một hay hai bên	PE
Hàng hóa được sản xuất tại một bên, sử dụng nguyên vật liệu không có xuất xứ và đáp ứng các yêu cầu về quy tắc mặt hàng cụ thể tại Phụ lục 3 của Hiệp định	PSR

10. **Ô số 10:** Ghi số lượng sản phẩm: Tổng trọng lượng (kg) hoặc các đơn vị khác (chiếc, lít...) Và trọng lượng thực tế của hàng hóa được giao không quá 5% trọng lượng ghi trên Giấy chứng nhận xuất xứ.

11. **Ô số 11:** Số và ngày của hóa đơn nộp cho cơ quan được ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ.

Trong trường hợp hóa đơn được phát hành bởi nước thứ 3, các thông tin bao gồm: đánh dấu “TCI” và thể hiện tên và quốc gia của công ty phát hành hóa đơn.

12. **Ô số 12:** Ghi địa điểm và ngày phát hành Giấy chứng nhận xuất xứ, chữ ký và con dấu của cơ quan được ủy quyền.

13. **Ô số 13:** Ghi Xuất xứ của hàng hóa (Một bên là – Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bên còn lại là thành viên của Liên minh kinh tế Á – Âu, địa điểm và ngày khai, chữ ký và con dấu của người khai.